

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 317, điều 318 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 91, 94 và 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17.6.2010;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22.02.2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 313/2020/TLST.DS ngày 18 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận này.

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ trụ sở: đường Xn, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đình L, chức vụ: chủ tịch hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hoàng Trung N, chức vụ: phó giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản (theo giấy ủy quyền số: 2866/UQ-PVB ngày 15.3.2019 của Chủ tịch hội đồng quản trị).

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: ông Võ Duy Thế P, sinh năm 1989, địa chỉ: đường O, phường U, quận I, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Huỳnh Văn B**

sinh năm 1971

2.2. Bà **Bùi Thị Diễm K**

sinh năm 1977

Cư ngụ: khu vực M, phường N, quận T, thành phố Cần Thơ.

[2]. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Võ Duy Thế P đại diện ủy quyền nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với bị đơn ông Huỳnh Văn B, bà Bùi Thị Diễm K thống nhất: Hiện nay ông Huỳnh Văn B, bà Bùi Thị Diễm K còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo hợp đồng tín dụng số 174/2018/HĐTD/PVB-PGDTNT ngày 28.5.2018 với tổng số tiền 225.551.303 đồng (trong đó gồm nợ gốc: 178.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 730.648 đồng, lãi quá hạn: 34.115.214 đồng và lãi phạt: 12.305.441 đồng - tính đến ngày 14.01.2021) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

1. Về nghĩa vụ thanh toán: Ông Huỳnh Văn B, bà Bùi Thị Diễm K có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng cộng 225.551.303 đồng. Trong đó:

./ nợ gốc quá hạn: 178.400.000 đồng;

./ nợ lãi trong hạn: 730.648 đồng;

./ nợ lãi quá hạn: 34.115.214 đồng;

./ lãi phạt: 12.305.441 đồng (tính đến ngày 14.01.2021).

Phương thức thanh toán: Các bên thống nhất phương thức thanh toán tại giai đoạn thi hành án.

Ông Huỳnh Văn B và bà Bùi Thị Diễm K phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng số: 174/2018/HĐTD/PVB-PGDTNT ngày 28.5.2018 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ kể từ ngày 15.01.2021 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh theo lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về nghĩa vụ phát mãi tài sản đảm bảo:

Trường hợp ông Huỳnh Văn B và bà Bùi Thị Diễm K không trả hoặc trả không đủ số tiền trên và tiền lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của ông B và bà K theo hợp đồng thế chấp số: 174/2018/HĐBĐ/PVB -PGDTNT ngày 28.5.2018 để đảm bảo thi hành án tương ứng với số tiền còn nợ đối với Hợp đồng tín dụng số: 174/2018/HĐTD/PVB-PGDTNT ngày 28.5.2018.

Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì ông B, bà K có nghĩa vụ tiếp tục trả thêm cho đến khi trả hết nợ.

3. Án phí dân sự:

./ Bị đơn ông Huỳnh Văn B và bà Bùi Thị Diễm K phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật về án phí dân sự nên bị đơn phải chịu áp phí giá ngạch là: $(5\% \times 225.551.303 \text{ đồng}) \times 50\% = 5.638.782,575 \text{ đồng}$. Xét giảm 50% án phí do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên bị đơn còn phải nộp: $5.638.782,575 \text{ đồng} \times 50\% = 2.819.391,2875 \text{ đồng}$ (làm tròn 2.819.392 đồng).

./ Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được nhận lại 4.957.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/012513 ngày 23.10.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Cần Thơ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 6.000.000 đồng. Do bị đơn tự nguyện chịu chi phí này nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn 6.000.000 đồng.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT
Thẩm phán

Nguyễn Thanh Điền